TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2019/HS-ST
Ngày: 21-5-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vương Thị Vui;

2. Bà Nguyễn Thị Kim Phi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Bá Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 16 và ngày 21 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 10/2019/TLST-HS ngày 15 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2019/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 4 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1981, tại Bình Dương; nơi cư trú: ấp C, xã M, huyện D, tỉnh B; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1966 và bà Lê Thị N, sinh năm 1965; có 01 chị và 02 em; có chồng là Huỳnh Minh Q, sinh năm 1982; có 01 con sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" theo Lệnh số 08/2019/HSST-LC ngày 17 tháng 3 năm 2019 của TAND huyện Dầu Tiếng. Có mặt.

2. Họ và tên: Phạm Thị V, sinh năm 1978, tại Thái Bình; nơi cư trú: Ấp L, xã M, huyện D, tỉnh B; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ học vấn: 04/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Ngọc B (đã chết) và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1939; có 02 anh, 01 chị; có chồng Nguyễn Đinh T, sinh năm 1971; có 05 con, lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" theo Lệnh số 04/2019/HSST-LC ngày 17 tháng 3 năm 2019 của TAND huyện Dầu Tiếng. Có mặt.

3. Họ và tên: Phạm Thị T (Hon), sinh năm 1966, tại Bình Dương; nơi cư trú: Ấp H, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn G, (đã chết) và Hoàng Thị N, (đã chết); có 02 chị, 01 em; có chồng tên Nguyễn Văn T, sinh năm 1968; có 02 con: Lớn sinh năm 1981, nhỏ sinh năm 1991; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" theo Lệnh số 06/2019/HSST-LC ngày 17 tháng 3 năm 2019 của TAND huyện Dầu Tiếng. Có mặt.

4. Họ và tên: Lê Thị Mỹ L, sinh năm 1987, tại Bình Dương; nơi cư trú: ấp C, xã M, huyện D, tỉnh B; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Minh C (đã chết) và bà Lê Thị V, sinh năm 1958; có 3 người anh, 01 người em; có chồng là Lê Quốc P, sinh năm 1980; có 01 con sinh ngày 20 tháng 4 năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" Lệnh số 10/2019/HSST-LC ngày 17 tháng 3 năm 2019 của TAND huyện Dầu Tiếng. Có mặt.

5. Họ và tên: Trần Thị V, sinh năm 1959, tại Bình Dương; nơi cư trú: Ấp H, xã M, huyện D, tỉnh B; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Bá N (đã chết) và bà Đinh Thị H, (đã chết); có 04 người em; có chồng Ngô Văn C, sinh năm 1956; có 04 con ruột, lớn nhất sinh năm 1979, nhỏ nhất sinh năm 1987; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" theo Lệnh số 05/2019/HSST-LC ngày 17 tháng 3 năm 2019 của TAND huyện Dầu Tiếng. Có mặt.

6. Họ và tên: Danh Thị Thu T (tên gọi khác là Năm), sinh năm 1970, tại Bình Phước; nơi cư trú: Tổ 1, khu phố P1, phường P, thị xã B, tỉnh B; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Danh H, (đã chết) và bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1947; có 01 chị và 03 em; có chồng Trần O, sinh năm 1968; chưa có con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" theo Lệnh số 07/2019/HSST-LC ngày 17 tháng 3 năm 2019 của TAND huyện Dầu Tiếng. Có Mặt.

7. Họ và tên: Nguyễn Thị H, sinh năm 1968, tại Bình Dương; nơi cư trú: ấp C, xã M, huyện D, tỉnh B; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hoá: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1924 và bà Lê Thị V, (đã chết); có 02 anh, 02 chị; có chồng Phạm Văn T, sinh năm 1968; có 01 con sinh năm 1987; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" theo Lệnh số 11/2019/HSST-LC ngày 17 tháng 3 năm 2019 của TAND huyện Dầu Tiếng. Có mặt.

8. Họ và tên: Nguyễn Thị Kim L (T), sinh năm 1975, tại Bình Dương; nơi cư trú: Ấp T, xã M, huyện D, tỉnh B; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hoá:

06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn A (đã chết) và bà Trần Thị D (đã chết); có 03 người chị, 04 người em; chưa có chồng, con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" theo Lệnh số 09/2019/HSST-LC ngày 17 tháng 3 năm 2019 của TAND huyện Dầu Tiếng. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

- Bà Đinh Thị Ngọc D, sinh năm 1993; hộ khẩu thường trú: Khu phố 5, thị trấn C1, huyện C, tỉnh B1.

- Ông Vũ Xuân Đ, sinh năm 1972; hộ khẩu thường trú: Ấp C, xã M, huyện D, tỉnh B.

- Ông Lê Quốc P, sinh năm 1980; hộ khẩu thường trú: Ấp C, xã M, huyện D, tỉnh B.

- Ông Ngô Văn C, sinh năm 1979; hộ khẩu thường trú: Ấp H, xã H, huyện D, tỉnh B.

- Bà Phạm Thị Hồng T, sinh năm 1987; hộ khẩu thường trú: Ấp C, xã M, huyện D, tỉnh B.

- Bà Hà Thị T, sinh năm 1969; hộ khẩu thường trú: Khu phố B1, phường T1, thị xã T, tỉnh B.

- Ông Nguyễn Đình Thép, sinh năm 1971; hộ khẩu thường trú: Ấp L, xã M, huyện D, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 15 giờ 30 phút ngày 02 tháng 12 năm 2018, tại nhà Nguyễn Thị Ngọc T thuộc ấp C, xã M, huyện D, tỉnh B, Công an huyện Dầu Tiếng bắt quả tang Nguyễn Thị Ngọc T, Phạm Thị V, Phạm Thị T, Lê Thị Mỹ L, Trần Thị V, Danh Thị Thu T, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Kim L, Nguyễn Thị Thanh T đang đánh bài xì dách thắng thua bằng tiền. Hình thức đánh bài xì dách được thực hiện như sau: 01 bộ bài tây 52 lá, người làm cái sẽ chia đều cho mỗi người tham gia 02 lá bài, nếu người tham gia được 01 lá xì và 01 lá tây hoặc 01 lá mười là "xì dách", nếu 02 lá xì là " xì bàng" thì thắng, nếu không phải xì dách hoặc xì bàng thì mỗi tụ được kéo thêm tối đa 03 lá bài rồi đếm nút, nếu ai lớn hơn thì người đó thắng, tuy nhiên số nút bài trên 15 nút và không quá 21 nút, nếu quá số nút sẽ bị thua (quắc); số nút dưới 15 là ngũ linh, ngũ linh có số nút nhỏ nhất thì thắng. Những người tham gia sẽ thắng thua trực tiếp với người làm cái số tiền mà người tham gia đã đặt cược trước đó. Đến 16 giờ 30 phút cùng ngày thì bị bắt quả tang.

Riêng Nguyễn Thị H, sinh năm 1959, thường trú ấp L, xã M, huyện D, tỉnh B có mặt tại nơi đánh bạc nhưng không tham gia đánh bạc.

- Thu giữ tại chiếu bạc:

+ 01 (một) bộ bài tây đã qua sử dụng.

+ 01 (một) cái dĩa bằng nhựa màu trắng có kích thước 15cm dạng hình tròn.

+ Tiền Việt Nam: 1.100.000 đồng (Một triệu một trăm ngàn đồng).

- Thu giữ tại góc nhà cách chiếu bạc 01 mét:

+ 05 (năm) bộ bài tây chưa sử dụng còn trong hộp.

+ 04 (bốn) bộ bài tây đã qua sử dụng để trong hộp.

Thu giữ trên người các đương sự bị bắt: Tiền Việt Nam: 30.220.000 đồng (Ba mươi triệu, hai trăm, hai mươi ngàn đồng), trong đó:

Nguyễn Thị Ngọc T 11.030.000 đồng.

Danh Thị Thu T: 400.000 đồng.

Nguyễn Thị Thanh T: 4.300.000 đồng.

Lê Thị Mỹ L: 800.000 đồng.

Phạm Thị T: 2.823.000 đồng.

Phạm Thị V: 3.820.000 đồng.

Nguyễn Thị H: 140.000 đồng.

Trần Thị Vạn: 6.950.000 đồng.

- Thu giữ 07 xe mô tô gồm các xe có biển số 61H1-396.93; 61Z3-9155; 93B1-270.36; 61H1-051.78; 61T2-8397; 61HA-005.52; 61H1- 190.94.

Quá trình điều tra xác định hành vi phạm tội cụ thể của từng người như sau:

Đối với Nguyễn Thị Ngọc T: Khoảng 15 giờ 30 ngày 02 tháng 12 năm 2018, Thúy chuẩn bị các dụng cụ gồm: 10 bộ bài tây, một cái mền để trải ngồi đánh bạc và một cái dĩa tròn để đựng bài. Lúc này, tại nhà Thúy có Trần Thị V, Phạm Thị V, Nguyễn Thị Thanh T nên T rủ ba người này đánh bài xì dách. Sau đó có thêm: Danh Thị Thu T, Lê Thị Mỹ L, Phạm Thị T, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Kim L đến tham gia. T không quy định nhưng những người chơi bài tự thống nhất với nhau mỗi người làm cái 06 ván, làm cái xoay vòng. Ai thắng thì đưa tiền xâu cho T 20.000 đồng, thua nhưng còn tiền thì đưa tiền xâu

cho T 10.000 đồng, thua hết tiền thì không đưa tiền xâu. T đã thu được 150.000 đồng tiền xâu, không nhớ thu của ai. Ngoài ra, T dùng số tiền 380.000 đồng đánh bạc.

Đối với Phạm Thị V: V biết tại nhà Nguyễn Thị Ngọc T có tổ chức đánh bạc vì ngày 01 tháng 12 năm 2018 V có tham gia đánh bạc. Tại đây, khoảng 14 giờ ngày 02 tháng 12 năm 2018, V đi xe mô tô biển số 61H1-190.94 của V và mang theo số tiền 2.600.000 đồng đến để tham gia đánh bạc; V đặt cược khoảng 20 ván, mỗi ván từ 20.000 đồng đến 50.000 đồng và làm cái 01 lần 06 ván và đưa tiền xâu cho bà T 10.000 đồng. Khi bị bắt quả tang V thắng được 1.220.000 đồng.

Đối với Phạm Thị T: Khoảng 15 giờ 30 phút, ngày 02 tháng 12 năm 2018, T đi bằng xe mô tô Dream biển số 61Z3-9155 của T đến nhà bà Nguyễn Thị Ngọc T chơi. Khi đến nơi, T thấy có đánh bài nên sử dụng số tiền 2.823.000 đồng để tham gia đánh bạc. T tham gia đặt cược 03 ván, mỗi ván từ 30.000 đồng đến 50.000 đồng, không làm cái. Khi bị bắt quả tang thì T không thắng, không thua.

Đối với Lê Thị Mỹ L: khoảng 15 giờ 30 phút, ngày 02 tháng 12 năm 2018, L đi xe mô tô biển số 61H1-396.93 của chồng (Lê Quốc P, sinh năm 1980, ngụ tại: Ấp C, xã M, huyện D, tỉnh B) chở con đi mua cháo và bánh xèo. Sau khi mua xong, L đến nhà Nguyễn Thị Ngọc T để chơi (L và T là bạn thân). Tại đây, L thấy có đánh bạc nên L sử dụng số tiền mang theo là 880.000 đồng để tham gia đánh bài xì dách. L tham gia đặt cược khoảng 10 ván, mỗi ván đặt cược từ 20.000 đồng đến 30.000 đồng và có làm cái được 01 lần khoảng 04 ván thì bị công an bắt quả tang nên không có giao tiền xâu cho T. Khi bị bắt quả tang L đã thua hết 80.000 đồng.

Đối với Trần Thị V: khoảng 15 giờ 30 phút, ngày 02 tháng 12 năm 2018 Vạn đi xe mô tô biển số 61T2-8397 của con trai (Ngô Văn C, sinh năm 1979, cư ngụ: Ấp H, xã M, huyện D, tỉnh B) đến nhà bà Nguyễn Thị Ngọc T để mượn tiền và mang theo số tiền 6.550.000 đồng. Khi V đến, T rủ V chơi đánh bạc, V đồng ý. V dùng 250.000 đồng sử dụng để tham gia đánh bài xì dách. V đặt cược khoảng 06 ván, mỗi ván 20.000 đồng và làm cái 02 lần mỗi lần 06 ván, đưa tiền xâu xâu cho bà T 02 lần mỗi lần 10.000 đồng. Khi bị bắt quả tang thì V thắng được 400.000 đồng và thu giữ trên người V số tiền 6.950.000, trong đó tiền V sử dụng để đánh bạc và đánh bạc thắng được là 650.000 đồng.

Đối với Danh Thị Thu T: Khoảng 15 giờ 30 phút, ngày 02 tháng 12 năm 2018 T gọi điện cho V hỏi có đánh bài hay không (do ngày 01 tháng 12 năm 2018, T có đánh bài ở nhà T), V trả lời có đánh bài ở nhà T nên T đi bằng xe mô tô Vision biển số 93B1-270.36 của Đinh Thị Ngọc D, sinh năm 1993, cư ngụ: Khu phố 5, thị trấn C1, huyện C, tỉnh B), và mang theo 450.000 đồng đến nhà bà Nguyễn Thị Ngọc T sử dụng để đánh bạc. Ty đặt cược được khoảng 20 ván mỗi ván đặt từ 30.000 đồng đến 50.000 đồng và làm cái được 01 lần 05 ván, thua

tiền nên không có đưa tiền xâu cho T. Khi bị bắt quả tang thì T đã thua hết 50.000 đồng.

Đối với Nguyễn Thị H: khoảng 15 giờ 30 phút, ngày 02 tháng 12 năm 2018 H đi xe mô tô Atila màu đỏ biển số 61H1-051.78 của con gái (Phạm Thị Hồng T, sinh năm 1987, cư ngụ: Ấp C, xã M, huyện D, tỉnh B) đến nhà bà Nguyễn Thị Ngọc T để hỏi T có mua gà không (vì T thường mua gà của H). Tại đây, H thấy có đánh bạc nên H sử dụng số tiền mang theo là 300.000 đồng tham gia đánh bạc. H đặt cược 06 ván, mỗi ván 20.000 đồng đến 30.000 đồng và không làm cái. Khi bị bắt quả tang thì H thua 160.000 đồng.

Đối với Nguyễn Thị Kim L: Khoảng 16 giờ ngày 02 tháng 12 năm 2018 L điều khiển xe mô tô biển số 61HA-005.52 của em rể là Vũ Xuân Đài, sinh năm 1972, cư ngụ: Ấp C, xã M, huyện D, tỉnh B) đi ngang nhà Nguyễn Thị Ngọc T, thấy trong nhà T có đông người và có người quen nên ghé vào. Tại đây, L thấy chơi đánh bạc nên dùng số tiền 200.000 đồng để tham gia đánh bạc. L tham gia đặt cược 05 ván, mỗi ván 50.000 đồng và làm cái được 05 ván thì thua hết số tiền trên nên nghỉ chơi, ngồi xem đánh bạc. L không đưa tiền xâu cho bà T.

Đối với Nguyễn Thị Thanh T: Khoảng 12 giờ 30 phút, ngày 02 tháng 12 năm 2018, T đi xe ôm đến nhà bà Nguyễn Thị Ngọc T chơi. Đến khoảng 15 giờ 30 phút, có thêm Vạn và V đến nhà Thúy nên T rủ Thảo chơi đánh bạc, T đồng ý. T dùng số tiền 4.800.000 đồng sử dụng để tham gia đánh bạc. Khoảng 15 giờ T tham gia đánh bạc dưới hình thức đánh bài xì dách thắng thua bằng tiền, trong quá trình tham gia đánh bạc T đặt cược nhiều ván, mỗi ván 20.000 đồng đến 100.000 đồng và làm cái được 03 lần (14 ván) và đưa tiền xâu cho bà Thúy 40.000 đồng. Khi bị bắt quả tang thì T thua hết 500.000 đồng (gồm tiền thua là 460.000 đồng và xâu 40.000 đồng).

Đối với Nguyễn Thị Thanh T, T đã trốn khỏi địa phương nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng truy nã, tạm đình chỉ và tách vụ án xử lý sau.

Riêng Nguyễn Thị H, sinh năm: 1959, cư trú: Ấp L, xã M, huyện D, tỉnh B không tham gia đánh bạc nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Dầu Tiếng không đề cập xử lý.

Tại bản Cáo trạng số 13/CT-VKSDT-HS ngày 14/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương đã truy tố các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T, Phạm Thị V, Phạm Thị T, Lê Thị Mỹ L, Trần Thị V, Danh Thị Thu T, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Kim L về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng trong phần tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T, Phạm Thị V, Phạm Thị T, Lê Thị Mỹ L, Trần Thị V, Danh Thị Thu T, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Kim L về tội "Đánh bạc". Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T từ 07 đến 09 tháng tù.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321, Điều 35, Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Thị V 06 đến 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 đến 16 tháng.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321, Điều 35, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Thị T 06 đến 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 đến 16 tháng.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321, Điều 35, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đề nghị xử phạt bị cáo Lê Thị Mỹ L 06 đến 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 đến 16 tháng.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321, Điều 35, Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Thị V từ 06 đến 07 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 đến 14 tháng.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321, Điểm i, s Khoản 1 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đề nghị xử phạt bị cáo Danh Thị Thu T từ 06 đến 07 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 đến 14 tháng.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm c khoản 1 Điều 25, Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H từ 06 đến 07 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 đến 14 tháng.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321, Điều 35, Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim L từ 06 đến 07 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 đến 14 tháng.

- Về biện pháp tư pháp:

Đối với số tiền Việt Nam 1.100.000 đồng (một triệu một trăm nghìn đồng) thu trên chiếu bạc, đây là số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc nên đề nghị tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền 11.030.000 đồng thu của Nguyễn Thị Ngọc T, trong đó số tiền 10.500.000 đồng là tiền của T, không liên quan đến việc đánh bạc, cần trả lại cho bị cáo; đối với số tiền 530.000 đồng là tiền bị cáo dùng vào việc đánh bạc và thu tiền xâu, đề nghị tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền 400.000 đồng thu của Danh Thị Thu T (T khai khi bắt quả tang tên là Nguyễn Thị T), đây là số tiền Thủy dùng vào việc đánh bạc, đề nghị tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền 4.300.000 đồng thu của Nguyễn Thị Thanh T, đây là số tiền T dùng vào việc đánh bạc đề nghị tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền 800.000 đồng thu của Lê Thị Mỹ L, L dùng số tiền này vào việc đánh bạc đề nghị tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền 2.823.000 đồng thu của Phạm Thị T, đây là số tiền Toán dùng vào việc đánh bạc, đề nghị tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền 3.820.000 đồng thu của Phạm Thị V, đây là số tiền Vân dùng vào việc đánh bạc, đề nghị tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền 140.000 đồng thu của Nguyễn Thị H, đây là số tiền H dùng vào việc đánh bạc, cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền 6.950.000 đồng thu của Trần Thị V, trong đó, số tiền 6.300.000 đồng V không dùng vào việc đánh bạc, đề nghị trả lại cho V; số tiền 650.000 đồng V dùng vào việc đánh bạc, đề nghị tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với: 01 tấm bạt kích thước 2.95 x 2.25m; 01 bộ bài Tây và 52 lá bài Tây: Đây là công cụ thực hiện tội phạm, đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Đối với xe mô tô biển số 61H1-396.93 của Lê Quốc P, Lê Thị Mỹ L lấy xe đi đánh bạc, Phong không biết nên đã trả lại cho P.

Đối với xe mô tô biển số 61Z3-9155, xe này do Hà Thị T, sinh năm 1969, thường trú tại khu phố B2, phường T1, thị xã T, tỉnh B. T đã bán xe cho Phạm Thị T, chưa làm thủ tục sang tên. Mục đích ban đầu của Toán là đến nhà T chơi, thấy có đánh bài mới tham gia, vì vậy cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng trả xe cho bị cáo T là hợp pháp.

Đối với xe mô tô biển số 93B1-270.36 của Đinh Thị Ngọc D. Danh Thị Thu T mượn xe của D, D không biết Thủy đi đánh bạc nên cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng trả xe cho bị D là hợp pháp.

Đối với xe mô tô biển số 61H1-051.78 của Phạm Thị Hồng T, Nguyễn Thị H mượn xe của T, T không biết H đi đánh bạc nên cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng trả xe cho bị can T là hợp pháp.

Đối với xe mô tô biển số 61T2-8397 của Ngô Văn C, Trần Thị V mượn xe của C, C không biết V đi đánh bạc nên cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng trả xe cho C là hợp pháp.

Đối với xe mô tô biển số 61HA-005.52 cũa Vũ Xuân Đ, Nguyễn Thị Kim L mượn xe của Đ, Đ không biết L đi đánh bạc nên cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng trả xe cho Đ là hợp pháp.

Đối với xe mô tô FUTURE màu đỏ - đen, nhãn hiệu HONDA, biển số 61H1- 190.94, số máy 1000390, số khung 000170. Xe mô tô này của bị cáo Phạm Thị V sử dụng làm phương tiện đi đánh bạc, đây là tài sản chung của vợ chồng V nên đề nghị Tòa án tuyên buộc bị cáo Phạm Thị V nộp trị giá ½ chiếc xe tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa đã được Hội đồng xet xử công bố lời khai tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, Kiểm sát viên, Tòa án trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự quy định và không bị ai khiếu nại gì về việc tiến hành các hoạt động tố tụng đối với vụ án nên toàn bộ hoạt động tố tụng, thu thập chứng cứ đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T, Phạm Thị V, Phạm Thị T, Lê Thị Mỹ L, Trần Thị V, Danh Thị Thu T, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Kim L đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Cụ thể vào Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 16 tháng 9 năm 2018, các bị cáo đánh bài thắng thua bằng tiền tại nhà của Nguyễn Thị Ngọc T thuộc ấp C, xã M, huyện D, tỉnh B, hình thức chơi loại bài xì dách. Số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 14.563.000 đồng. Tại phiên Tòa, các bị cáo khác thừa nhận hành vi tham gia đánh bạc thắng thu bằng tiền. Lời khai nhận của các bị cáo là phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra cùng các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Do đó, có đủ cơ sở xác định Bản Cáo trạng số 13/CT-VKSDT-HS ngày 14/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương truy tố đối với các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T, Phạm Thị V, Phạm Thị T, Lê Thị Mỹ L, Trần Thị V, Danh Thị Thu T, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Kim L về tội "đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là hoàn toàn có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo tuy đơn giản nhưng đánh bạc thắng thua bằng tiền là hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự an toàn công cộng nơi xảy ra vụ án, là hệ lụy kéo theo nhiều tệ nạn xã hội khác, làm cho quần chúng nhân dân mất lòng tin vào chính quyền khi để tệ nạn xã hội.

[4] Xét tính chất, các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T, Phạm Thị V, Phạm Thị T, Lê Thị Mỹ L, Trần Thị V, Danh Thị Thu T, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Kim L là người có đầy đủ năng lực để nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật, thế nhưng các bị cáo bất chấp hậu quả để thực hiện tội phạm. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Các bị cáo thực hiện tội phạm đồng phạm giản đơn.

Các bị cáo cùng phạm tội nhưng Hội đồng xét xử phân tích tính chất, mức độ phạm tội của từng bị cáo để cân nhắc mức hình phạt của từng bị cáo. Cụ thể:

Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T là người chuẩn bị các dụng cụ gồm: 10 bộ bài tây, một cái mền để trải ngồi đánh bạc và một cái dĩa tròn để đựng bài. Lúc này, tại nhà T có Trần Thị V, Phạm Thị V, Nguyễn Thị Thanh T nên T rủ ba người này đánh bài xì dách. Sau đó có thêm: Danh Thị Thu T, Lê Thị Mỹ L, Phạm Thị T, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Kim L đến tham gia. T không quy định nhưng những người chơi bài tự thống nhất với nhau mỗi người làm cái 06 ván, làm cái xoay vòng. Ai thắng thì đưa tiền xâu cho T 20.000 đồng, thua nhưng còn tiền thì đưa tiền xâu cho T 10.000 đồng, thua hết tiền thì không đưa tiền xâu. T đã thu được 150.000 đồng tiền xâu, không nhớ thu của ai. Ngoài ra, T dùng 380.000 đồng đánh bạc. Bị cáo V tham gia đánh bạc với số tiền 2.600.000 đồng đánh bạc, thắng bạc được 1.220.000 đồng. Bị cáo T tham gia đánh bạc với số tiền 2.823.000 đồng. Bị cáo Mỹ L dùng số tiền 880.000 đồng đánh bạc. Bị cáo V tham gia đánh bạc từ đầu với số tiền 650.000 đồng. Bị cáo T dùng số tiền 450.000 đồng đánh bạc. Bị cáo H dùng số tiền 300.000 đồng đánh bạc. Bị cáo Kim L dùng số tiền 200.000 đồng đánh bạc. Như vậy, tùy từng tính chất, mức độ, số tiền tham gia đánh bạc mà Hội đồng xét xử cân nhắc mức hình phạt tương xứng đối với từng bị cáo.

[5] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo như: Các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Ngoài ra, bị cáo V1, V, T, Mỹ Ln có trình độ học vấn thấp, nhận thức pháp luật kém; bị cáo V là người cao tuổi (60 tuổi); bị cáo Nguyễn Thị Kim L có cha và mẹ là người có công với nhà nước; bị cáo Nguyễn Thị Mỹ L có con chưa đủ 36 tháng tuổi là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[6] Ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về phần tội danh, điều khoản truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ phù hợp với các tình tiết

của vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với các bị cáo Phạm Thị V, Phạm Thị T, Lê Thị Mỹ L, Trần Thị V, Danh Thị Thu T, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Kim L là phù hợp. Riêng mức hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử phạt từ 07 đến 9 tháng tù là quá nghiêm khắc. Bởi lẽ, bị cáo T có tình nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự ở khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng và hành vi phạm tội mang tính tự phát; số tiền dùng đánh bạc của các bị cáo không lớn nên Hội đồng xét xử xem xét áp dụng quy định Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Thúy.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với số tiền Việt Nam 1.100.000đ (một triệu một trăm nghìn đồng) thu trên chiếu bạc, đây là số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc nên đại diện viện kiểm sát đề nghị tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước là hợp pháp.

Đối với số tiền 11.030.000 đồng thu của Nguyễn Thị Ngọc T, trong đó số tiền 10.500.000 đồng là tiền của T, không liên quan đến việc đánh bạc, cần trả lại cho bị cáo; đối với số tiền 530.000 đồng là tiền bị cáo dùng vào việc đánh bạc và thu tiền xâu, nên đại diện Viện kiểm sát đề nghị tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước là hợp pháp.

Đối với số tiền 400.000 đồng thu của Danh Thị Thu T (T khai khi bắt quả tang tên là Nguyễn Thị T), đây là số tiền T dùng vào việc đánh bạc, đại diện Viện kiểm sát đề nghị tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước là hợp pháp.

Đối với số tiền 4.300.000 đồng thu của Nguyễn Thị Thanh T, đây là số tiền T dùng vào việc đánh bạc, đại diện Viện kiểm sát tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền 800.000 đồng thu của bị cáo Lê Thị Mỹ L, L dùng số tiền này vào việc đánh bạc, đại diện Viện kiểm sát đề nghị tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước là hợp pháp.

Đối với số tiền 2.823.000 đồng thu của Phạm Thị T, đây là số tiền T dùng vào việc đánh bạc, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước là hợp pháp.

Đối với số tiền 3.820.000 đồng thu của bị cáo Phạm Thị V, đây là số tiền Vân dùng vào việc đánh bạc, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước là hợp pháp.

Đối với số tiền 140.000 đồng thu của Nguyễn Thị H, đây là số tiền H dùng vào việc đánh bạc, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước là hợp pháp.

Đối với số tiền 6.950.000 đồng thu của Trần Thị V, trong đó, số tiền 6.300.000 đồng V không dùng vào việc đánh bạc, cần trả lại cho V; số tiền 650.000 đồng V dùng vào việc đánh bạc, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước là hợp pháp.

Đối với: Tấm bạt kích 01 thước 2.95x2.25m; 01 bộ bài Tây và 52 lá bài Tây đây là công cụ thực hiện tội phạm, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị tịch thu tiêu hủy là hợp pháp.

Đối với xe mô tô biển số 61H1-396.93 của Lê Quốc P, Lê Thị Mỹ L lấy xe đi đánh bạc, P không biết nên đã trả lại cho P là hợp pháp.

Đối với xe mô tô biển số 61Z3-9155, xe này do Hà Thị T, sinh năm 1969, thường trú tại khu phố B, phường T1, thị xã T, tỉnh B. T đã bán xe cho Phạm Thị T, chưa làm thủ tục sang tên. Mục đích ban đầu của Toán là đến nhà T chơi. Tại đây, T thấy có đánh bài mới tham gia, vì vậy cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng trả xe cho bị cáo T là hợp pháp.

Đối với xe mô tô biển số 93B1-270.36 của Định Thị Ngọc D. Danh Thị Thu T mượn xe của D, D không biết Thủy đi đánh bạc nên cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng trả xe cho D là hợp pháp.

Đối với xe mô tô biển số 61H1-051.78 của Phạm Thị Hồng T, Nguyễn Thị H mượn xe của T, T không biết H đi đánh bạc nên cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng trả xe cho T là hợp pháp.

Đối với xe mô tô biển số 61T2-8397 của Ngô Văn C, Trần Thị V mượn xe của C. C không biết V đi đánh bạc nên cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng trả xe cho C là hợp pháp.

Đối với xe mô tô biển số 61HA-005.52 cũa Vũ Xuân Đ, Nguyễn Thị Kim L mượn xe của Đ. Đ không biết L đi đánh bạc nên cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng trả xe cho Đài là hợp pháp.

Đối với xe mô tô FUTURE màu đỏ - đen, nhãn hiệu HONDA, biển số 61H1- 190.94, số máy 1000390, số khung 000170. Xe mô tô này của bị cáo Phạm Thị V sử dụng làm phương tiện đi đánh bạc. Đây là tài sản chung của vợ chồng V và ông Nguyễn Đình T. Tại kết quả định giá của Phòng tài chính kế hoạch huyện Dầu Tiếng xác định xe có giá 12.000.000 đồng. Hội đồng xét xử tuyên trả xe cho bị cáo nhưng buộc bị cáo Phạm Thị V nộp trị giá ½ chiếc xe tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

[8] Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T, Phạm Thị V, Phạm Thị T, Lê Thị Mỹ L, Trần Thị V, Danh Thị Thu T, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Kim L phạm tội đánh bạc.

+ Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, Điều 51, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án (ngày 21 tháng 5 năm 2019).

Giao bị cáo T cho Ủy ban nhân dân xã Minh Thạnh, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, bị cáo T cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo T phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

+ Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phạm Thị V 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 01 (một) năm 04 (bốn) tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án (ngày 21 tháng 5 năm 2019).

Giao bị cáo V cho Ủy ban nhân dân xã Minh Thạnh, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, bị cáo V cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo V phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

+ Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phạm Thị T 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 01 (một) năm 04 (bốn) tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án (ngày 21 tháng 5 năm 2019).

Giao bị cáo T cho Ủy ban nhân dân xã Minh Hòa, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, bị cáo T cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Toán phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

+ Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Thị Mỹ L 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 01 (một) năm 02 (hai) tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án (ngày 21 tháng 5 năm 2019).

Giao bị cáo Lê Thị Mỹ L cho Ủy ban nhân dân xã Minh Thạnh, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, bị cáo Lê Thị Mỹ L cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Lê Thị Mỹ Loan phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

+ Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Thị V 06 (sáu) tháng tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 01 (một) năm. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án (ngày 21 tháng 5 năm 2019).

Giao bị cáo Trần Thị V cho Ủy ban nhân dân xã Minh Hòa quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, bị cáo Trần Thị V cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo V phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo

+ Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Danh Thị Thu T 06 (sáu) tháng tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 01 (một) năm. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án (ngày 21 tháng 5 năm 2019).

Giao bị cáo Danh Thị Thu T cho Ủy ban nhân dân phường Phú Thịnh, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, bị cáo Danh Thị Thu T cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo T phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

+ Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 01 (một) năm. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án (ngày 21 tháng 5 năm 2019).

Giao bị cáo Nguyễn Thị H cho Ủy ban nhân dân xã Minh Thạnh, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, bị cáo Nguyễn Thị H cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo H phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

+ Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim L 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 01 (một) năm. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án (ngày 21 tháng 5 năm 2019).

Giao bị cáo Nguyễn Thị Kim L cho Ủy ban nhân dân xã Minh Thạnh, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, bị cáo Nguyễn Thị Kim L cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo L phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

II. Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu tiêu hủy đối với:

- 01 bộ bài Tây đã qua sử dụng;

- 01 đĩa nhựa màu trắng có kích thước 15 cm, dạng hình tròn;

- 05 bộ bài tây chưa qua sử dụng còn trong hộp;

- 04 bộ bài tây đã qua sử dụng còn trong hộp.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước:

+ Đối với số tiền Việt Nam 1.100.000 đồng (một triệu một trăm nghìn đồng) thu trên chiếu bạc.

+ Đối với số tiền 530.000 đồng (năm trăm ba mươi ngàn đồng) đã thu của bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T.

+ Đối với số tiền 400.000 đồng (bốn trăm ngàn đồng) đã thu của bị cáo Danh Thị Thu T.

+ Đối với số tiền 4.300.000 đồng (bốn triệu ba trăm ngàn đồng) đã thu của bị cáo Nguyễn Thị Thanh T.

+ Đối với số tiền 800.000 đồng đã thu của bị cáo Lê Thị Mỹ L.

+ Đối với số tiền 2.823.000 đồng đã thu của bị cáo Phạm Thị T.

+ Đối với thu số tiền 3.820.000 đồng đã thu của bị cáo Phạm Thị V.

+ Đối với số tiền 140.000 đồng thu của bị cáo Nguyễn Thị H.

+ Đối với số tiền 650.000 đồng của bị cáo Trần Thị V.

+ Buộc bị cáo Phạm Thị V nộp 6.000.000 đồng sung công quỹ Nhà nước.

Trả lại cho:

+ Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T số tiền 10.500.000 đồng (mười triệu năm trăm ngàn đồng).

+ Bị cáo Trần Thị V số tiền 6.300.000 đồng (sáu triệu ba trăm ngàn đồng).

+ Bị cáo Phạm Thị V và ông Nguyễn Đình T xe mô tô FUTURE màu đỏ - đen, nhãn hiệu Honda, biển số 61H1- 190.94, số máy 1000390, số khung 000170.

(*Tài sản trên hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng quản lý theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 25/3/2019 và biên lai thu tiền số AA/2014/0002452 ngày 21 tháng 3 năm 2019*).

III. Án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Án phí hình sự sơ thẩm:

Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Bị cáo Phạm Thị V chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Bị cáo Phạm Thị T chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Bị cáo Lê Thị Mỹ L chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Bị cáo Trần Thị V chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Bị cáo Danh Thị Thu T chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Bị cáo Nguyễn Thị H chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Bị cáo Nguyễn Thị Kim L chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 21/5/2019). Riêng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Phòng PV27 CA tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- Công an H. Dầu Tiếng;
- CCTHA H. Dầu Tiếng;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Vũ Anh Tuấn